TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 267 /2020/DS-PT Ngày 30 - 7 - 2020 V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu.

Ông Trần Văn Đạt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: - Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 352/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).
2. Anh Bùi Quốc A, sinh năm 1990 (vắng mặt).
3. Chị Phạm Thúy K, sinh năm 1991 (vắng mặt).
4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt).
5. Ông Bùi Văn Mười H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

6. Chị Lê Bùi Anh T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Mỹ Thành N, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Bùi Thị Mười B, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

9. Ủy ban nhân dân huyện L (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Q, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Bùi Thị M.

- *Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày:

Bà là chủ sử dụng đối với phần đất thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.520m^2, tọa lạc ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00531 ngày 28/6/1997. Năm 2001, bà lấy giấy đỏ giao cho Ủy ban nhân dân xã Bình P để đổi giấy mới thì bị thất lạc cho đến nay.

Trên đất có căn nhà thờ diện tích khoảng 90m^2 (ngang 7,5m, dài 12m). Năm 2010, ông Tr tự ý đập phá nhà thờ và xây dựng nhà cấp 4, kiên cố, diện tích khoảng 75m^2 (ngang 6,5m, dài 12m). Lúc phá nhà thờ, xây dựng nhà mới và chiếm lấy phần đất diện tích khoảng 2.370m^2 để trồng cây, Ủy ban nhân dân xã Bình P có lập biên bản. Sau đó ông Tr xây bức tường và chỉ chừa lại cho bà phần đất diện tích 150m^2. Ngày 30/8/2016, Ủy ban nhân dân xã Bình P có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc hộ ông Bùi Văn Tr tháo dỡ, di dời căn nhà và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để trả lại phần đất diện tích khoảng 2.370m^2 (nằm trong phần đất diện tích 2.520m^2), thuộc thửa đất số 230, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00531 ngày 28/6/1997.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/4/2017, bà M yêu cầu ông Tr bồi thường thiệt hại căn nhà thờ cổ của cha mẹ bà để lại, trước là để thờ cúng cửu huyền, sau là để làm kỷ niệm theo di nguyện của cha mẹ bà, trị giá 535.506.000 (Năm trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm lẽ sáu ngàn) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Kim L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc hộ ông Bùi Văn Tr trả lại cho bà M một phần đất diện tích 1.486,1m^2 (theo bản đồ địa chính trích đo hiện nay thì phần đất thuộc thửa số 247, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.295,3m^2), đồng ý cho hộ ông Tr tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 419,1m^2 nhưng phải hoàn trả giá trị đất cho bà M với số tiền 55.000 đồng/m^2 là 23.050.500 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng).

* Bị đơn ông Bùi Văn Tr trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M. Phần đất ông đang ở là đất hương quả, nhà do cha ông để lại để thờ cúng tổ tiên, nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông Bùi Văn M2 và bà Mai Thị C (chết năm 1984) để lại cho ông chứ không phải do bà M tạo ra. Ông đã ở chung với cha mẹ từ nhỏ, đến năm 1989 ông lập gia đình và cùng ở trên phần đất này với cha của ông cho đến năm 1999 thì cha ông chết và ông quản lý phần đất này cho đến nay.

Ông Tr có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00531…QSDĐ/1/36 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/9/1993 cho bà Bùi Thị M đối với phần đất diện tích 2.520m^2, thửa số 230, tọa lạc ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr xin thay đổi yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận phần đất hiện gia đình ông đang sử dụng có diện tích 1.905,2m^2 thuộc quyền sử dụng của ông. Lý do: Phần đất này ông đã được cha của ông là ông Bùi Văn M2 cho sử dụng từ năm 1989 đến nay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T thống nhất theo lời trình bày của ông Tr.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Mười H trình bày:

Ông xác định phần đất này là của cha mẹ ông để lại cho ông để thờ cúng ông bà vì ông là con út trong gia đình, do không có nhu cầu sử dụng nên ông giao lại cho ông Tr quản lý, sử dụng từ năm 1989 đến nay. Sau đó, khoảng năm 2002 do không có chỗ ở nên ông có cắt cho bà M một phần đất có chiều ngang khoảng 7m, dài khoảng 45m. Đối với yêu cầu của bà M, ông không đồng ý, ông muốn giữ nguyên hiện trạng mà các bên đang sử dụng, nhà ai nấy ở.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Mười B trình bày:

Phần đất bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Tr phải di dời trả lại đất cho bà M, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì và có đơn xin vắng mặt.

* Tại Công văn số 1171/UBND-NC ngày 21/10/201, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Việc ông Tr đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00531 QSDĐ/1/36 ngày 01/9/1993 do Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho bà Bùi Thị M là không có đủ cơ sở xem xét, giải quyết và Ủy ban nhân dân huyện L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 9, Điều 18 của Luật Đất đai năm 1987; khoản 6, 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 và 5 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M về việc yêu cầu buộc hộ ông Bùi Văn Tr trả lại phần đất diện tích 1.486,1m^2 (thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21, nằm trong diện tích 2.295,3m^2), đồng ý cho hộ ông Tr tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 419,1m^2 và hoàn trả lại giá trị đất cho bà M với số tiền là 23.050.500 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng).

2. Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Bùi Thị M.

Đình chỉ yêu cầu buộc ông Bùi Văn Tr bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà với số tiền 535.506.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm lẽ sáu ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Văn Tr.

Công nhận phần đất diện tích 1.905,2m^2 (nằm trong phần đất diện tích 2.295,3m^2, thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21) tọa lạc ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Văn Tr.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn Tr, đồng ý cắt cho bà Bùi Thị M được sử dụng thêm phần đất diện tích 123,6m^2 (giáp phần đất phía sau bà Mến đang sử dụng có chiều ngang hai đầu có số đo là 5,5m, chiều dài hai cạnh có số đo là 22,43m và 22,64m.

Ông Bùi Văn Tr được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 1.781,6m^2 (nằm trong phần đất diện tích 2.295,3m^2, thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21) tọa lạc ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông cạnh phía trong giáp đất bà Bùi Thị M có số đo 67.03m và cạnh phía ngoài giáp đất ông Phạm Văn K và Phạm Văn P có số đo 26.38m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Đặng Văn Bé T có số đo 67.19m.

+ Hướng Nam giáp đất giáp đường đá xanh có số đo 20.69m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn T có số đo 39.20m.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 594200, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00531…QSDĐ/1/36 đối với thửa đất số số 230, diện tích 2.520m^2 đất do Ủy ban nhân dân huyện L chứng nhận cho bà Bùi Thị M ngày 01/9/1993.

Cấp lại cho bà Bùi Thị M được quyền sử dụng phần đất diện tích 513.7m^2 (nằm trong phần đất diện tích 2.295,3m^2, thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21) tọa lạc ấp Bình L, xã Bình P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

(Kèm theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo).

4. Án phí:

Bà Bùi Thị M phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 10.910.000 đồng (Mười triệu, chín trăm mười ngàn đồng) theo các biên lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 13743

ngày 06/10/2016 và 14373 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, nên được hoàn lại số tiền 10.410.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm mười ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Bùi Văn Tr 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16851 ngày 01/7/2019 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 30/3/2020, nguyên đơn bà Bùi Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét cho bà lấy lại phần đất diện tích 2.520m^2, trừ phần đất bà đang ở; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn Tr.

* Ngày 01/4/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 123/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ kháng nghị:

- Tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của bà M hoàn toàn mâu thuẫn nhau, nhưng không được Tòa án thu thập thêm để đánh giá, làm rõ tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ dùng làm căn cứ giải quyết vụ án là vi phạm khoản 3 Điều 106, 108 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Tòa án nhận định nguồn gốc đất tranh chấp không phải là di sản của ông Bùi Văn M2 và bà Mai Thị C chết để lại là không đúng. Ông Tr chưa có giấy tờ và căn cứ nào để chứng minh đã được xác lập quyền sở hữu đối với phần đất tranh chấp theo quy định tại Điều 158 Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông Tr không có quyền tự mình định đoạt cho bà M được sử dụng thêm phần đất 123,6m^2. Do đó, quyết định của bản án tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Văn Tr và ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr cho bà M được sử dụng thêm phần đất 123,6m^2 là không có căn cứ pháp lý, trái quy định pháp luật.

- Quyết định của bản án không nêu cụ thể căn cứ pháp lý để công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông Tr là chưa đúng quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chưa làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp nhưng Tòa án áp dụng Điều 9, 18 Luật Đất đai năm 1987 là chưa chính xác.

- Tòa án chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn ông Bùi Văn Tr không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Viện Kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 123/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/4/2020, kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật với những nội dung đã nêu trong kháng nghị.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M thửa số 230, diện tích 2.520m^2 vào ngày 01/09/1993 trên cơ sở sổ mục kê 1980 lúc bà M chỉ mới 13 tuổi, đơn xin cấp giấy ghi ngày 09/01/1994, trong khi ngày cấp giấy ghi là 01/09/1993 là mâu thuẫn. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có chứng cứ để xác định nguồn gốc đất khi cấp giấy, nhưng Ủy ban nhân dân huyện L lại có Công văn số 1171/UBND-NC ngày 21/10/2019 với nội dung là hồ sơ cấp giấy đúng quy định pháp luật. Vấn đề trên cũng cần xem xét lại.

Bà M khai bà quản lý canh tác đến năm 2010 thì ông Tr đến chiếm ở, còn ông Tr khai thì ở chung với cha mẹ từ nhỏ đến năm 1989 lập gia đình và ở trên đất này, năm 1999 cha ông chết thì ông quản lý canh tác cho đến nay; trong khi đó hộ khẩu của bà M tại thời điểm năm 1993 chỉ có bà Cù Thị K (bà ngoại); bà Mai Thị C (mẹ); bà M; ông M1 và ông Mười B. Như vậy lúc này ông M2 và ông Tr đang ở đâu ? Lời khai của ông Tr thì bà C chết năm 1984 (trong khi năm 1993 bà C còn hộ khẩu trong hộ bà M), còn ông M2 chết năm 1999, hồ sơ không có giấy chứng tử của hai ông bà này. Lời khai của hai bên mâu thuẫn nhau. *Vậy ai là người trực tiếp quản lý và canh tác đất và canh tác trong thời gian nào ? Án sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ vấn đề trên bởi nó có liên quan đến các vấn đề sau:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông M2, bà C sử dụng từ trước năm 1950. Án sơ thẩm nhận định đến năm 1989 ông M2 cho vợ chồng ông Tr quản lý sử dụng theo sự đồng ý của ông Mười H. Hai bên chỉ khai nhận chứ không có chứng cứ gì chứng minh. Tuy nhiên, án sơ thẩm lại công nhận cho ông Tr được quyền sử dụng diện tích 1.905,2m^2 đất và được quyền cho lại bà M diện tích 513,7m^2 căn cứ vào chứng cứ là giấy họp mặt gia đình lập ngày 10/05/2004 và

giấy thừa kế của bà M cho ông Tr lập ngày 20/05/2004, trong khi hai giấy này chỉ là bản photo, không có công chứng chứng thực là chưa thu thập chứng cứ đầy đủ.

Án sơ thẩm nhận định trong suốt quá trình quản lý sử dụng, ông M2 bà C không làm thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chết không để lại di chúc, để xác định phần đất tranh chấp không phải là di sản của ông M2 bà C là không đúng theo qui định pháp luật. Bởi lẽ, ông M2 bà C đã sinh sống, quản lý sử dụng từ năm 1950, cất nhà trồng cây trái trên đất, nuôi các anh chị em ông Tr từ nhỏ cho đến khi lập gia đình, sau khi ông bà qua đời thì các con mới tiếp tục quản lý sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến lời khai của một số anh chị em trong hàng thừa kế là xác định đây di sản thừa kế của cha mẹ để lại, chỉ mới có ý kiến là *chưa yêu cầu chia* chứ không phải là nhượng quyền thừa kế hay không yêu cầu chia, để xác định đây là di sản thừa kế của ông M2 bà C để lại chưa chia hay không, hay là quyền sử dụng hợp pháp của bên nào để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M thửa số 230, diện tích 2.520m^2 vào ngày 01/09/1993, thời hạn sử dụng đất đến tháng 4/2018 hết hạn, theo Điều 126 Luật Đất đai năm 2013 thì không làm thủ tục điều chỉnh mà ai là người đang sử dụng đất được tiếp tục quản lý sử dụng. Án sơ thẩm chưa làm rõ ai là người đang sử dụng đất và ai là người lấn chiếm đất để làm cơ sở giải quyết vụ án khi chưa có tranh chấp về yêu cầu chia thừa kế.

Mặc dù là tranh chấp quyền sử dụng đất, tuy nhiên do các anh chị em đều thừa nhận đất của cha mẹ chết để lại, cũng cần xem xét đưa tham gia tố tụng để làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp và ý chí nguyện vọng của các đồng thừa kế. Bởi lẽ, theo khai nhận của ông Tr tại phiên tòa phúc thẩm thì khi ông về ở trên đất đã có một căn nhà của ông M2, bà C và một số cây trồng trên đất (như vú sữa, dừa…); căn nhà ông Tr đã phá dỡ để xây lại nhà mới, hiện nay số cây trồng này vẫn còn và ông đang hưởng huê lợi trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr khai nhận trước đây hai bên có tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, khởi kiện ra Tòa án, nhưng sau đó vụ án đình chỉ, do đó ông không đi đăng ký kê khai được, vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ, chưa thể hiện trong hồ sơ để xác định trước đây Tòa án đình chỉ với lý do gì, để xem xét điều kiện khi thụ lý lại vụ kiện này.

Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ.

Do án sơ thẩm bị hủy nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 123/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/4/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ kiện về cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

- Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005174 ngày 06/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 30/7/2020, có mặt bà M, bà M1, ông Tr, bà T.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2020-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong